ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:159 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 05 tháng 7 năm 2024*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 20/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc

Thực hiện Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 20/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta phồn vinh, hạnh phúc; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai đồng bộ, kịp thời và có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được đề ra trong Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 20/05/2024 của của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đề ra các giải pháp cụ thể phù hợp đặc điểm tình hình thực tế của tỉnh; đảm bảo sự chỉ đạo, lãnh đạo toàn diện, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành; tổ chức triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 20/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 20/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc như sau:

Xây dựng Lạng Sơn trở thành tỉnh biên giới giữ vững về chính trị, an ninh quốc phòng, kinh tế phát triển, môi trường sinh thái được bảo đảm, là một trong các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Lạng Sơn có quy mô kinh tế và GRDP bình quân đầu người trong nhóm 05 tỉnh dẫn đầu của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp, dịch vụ, du lịch trở thành động lực tăng trưởng chính; ngành nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất nông - lâm sản hàng hóa, ứng dụng công nghệ, hiệu quả cao.

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế: Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo, duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 8 - 9%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 chuyển dịch theo hướng tích cực hiệu quả.

- Về kết cấu hạ tầng: Hoàn thiện và cơ bản hiện đại hóa hệ thống hạ tầng giao thông từ tỉnh đến xã và thôn; toàn dân được sử dụng điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo khác, cơ bản được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn. Tỷ lệ đô thị hóa được từng bước đẩy mạnh phát triển ra các khu vực có điều kiện phát triển đô thị.

- Về xã hội: Duy trì tốc tăng dân số trung bình hợp lý; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2-3%/năm (theo chuẩn nghèo của các giai đoạn), đến năm 2030 cơ bản không còn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt khoảng 76%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học, bậc học đến năm 2030 đạt khoảng 55-59%; khoảng 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó khoảng 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 3 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá đạt chuẩn khoảng 80%.

- Về bảo vệ môi trường: Tập trung trồng mới, khoanh nuôi bảo vệ rừng, đảm bảo mục tiêu nâng tỷ lệ độ che phủ rừng từ nay đến năm 2030 tăng khoảng 2,4%[1]; các chất thải rắn sinh hoạt đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng khu vực biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 20/5/2023 của Ban chấp hành trung ương Đảng Khóa XIII và Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 20/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành, tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của tỉnh Lạng Sơn, góp phần quan trọng vào xây dựng địa phương giàu mạnh, đất nước ngày càng phồn vinh và hạnh phúc.

[1] Năm 2024 ước thực hiện khoảng 64,6%; năm 2030 khoảng 67%;

2. Huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư

Huy động tổng hợp các nguồn lực cho đầu tư phát triển, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, thu hút đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án ưu tiên đầu tư, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn thu để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển của tỉnh. Thu hút các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, phát triển các cửa khẩu trọng điểm, xây dựng mô hình cửa khẩu thông minh.

Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; cải cách thủ tục hành chính, thiết lập các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho đầu tư; đổi mới và đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, tăng cường tiếp xúc, làm việc với các nhà đầu tư chiến lược trong nước và nước ngoài; nhanh chóng hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật trọng điểm, liên vùng.

Củng cố và mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA),...; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, tập trung thu hút đầu tư dự án để phát triển các trụ cột kinh tế.

3. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển và cung ứng nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện thành công các khâu đột phá phát triển của tỉnh, nhất là nhân lực trong các lĩnh vực chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

Có chính sách khuyến khích đào tạo, hỗ trợ cán bộ, công chức để nâng cao trình độ; rà soát các chính sách tuyển dụng, ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị và các ngành quan trọng của tỉnh; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở góp phần giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm ổn định an ninh, quốc phòng

Tiếp tục triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chính sách ưu đãi để thu hút nhân tài. Mở rộng quan hệ đối tác với doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức đào tạo để rút ngắn khoảng cách giữa kỹ năng của lực lượng lao động và yêu cầu của người sử dụng lao động; thúc đẩy đào tạo lực lượng lao động có tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài, đặc biệt là lao động có tay nghề cao, các ngành nghề tăng xanh và bền vững.

4. Phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ đồng bộ trong các lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đổi mới cơ chế tài chính cho các hoạt động khoa học công nghệ tại địa phương. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, vùng miền; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường gắn kết với đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, năng suất chất lượng.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường; hướng dẫn kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát môi trường, tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp. Khai thác hợp lý và sử dụng, quản lý có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, bố trí đủ lực lượng cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

Thực hiện đầy đủ các chính sách bảo đảm an sinh xã hội đối với các đối tượng theo quy định của pháp luật, người có công với cách mạng; tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, các chính sách và giải pháp bảo đảm an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực, địa bàn vùng sâu xa, biên giới. Triển khai có hiệu quả các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn; Chương trình giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; phấn đấu giảm dần khoảng cách mức sống giữa nông thôn và thành thị, đảm bảo phát triển hài hòa, toàn diện, nhanh, bền vững; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Thực hiện tốt các chính sách như đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo trong tỉnh ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

Đẩy mạnh công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến các quy định của pháp luật để hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính

Tiếp tục cơ cấu lại tổng vốn đầu tư đầu tư toàn xã hội, trọng tâm là đầu tư công có vài trò dẫn dắt các nguồn vốn ngoài ngân sách, kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; tăng

cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các địa phương trong quản lý đầu tư công.

Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách; ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng, hiệu quả sản phẩm công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế tại các khu vực có điều kiện.

Thực hiện đồng bộ hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững, giảm tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và an ninh quốc phòng.

Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tập thể và tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các công ty lâm nghiệp, gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

7. Về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp trong thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 111-CTr/TU ngày 26/3/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII thực hiện Kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú trọng tại chuyến thăm và làm việc với Đảng bộ Tỉnh Lạng Sơn; triển khai các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch có tính chất chuyên ngành kỹ thuật từ trung ương đến địa phương; xây dựng cơ chế cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng liên kết vùng, trong đó chú trọng thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước. Thực hiện chương trình hợp tác với các địa phương; tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư chung của vùng. Kết nối kinh tế hiệu quả với Quảng Tây và các địa phương của Trung Quốc; hợp tác hiệu quả với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để vận động, thu hút các khoản tài trợ, viện trợ, góp phần giảm nghèo, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống vật chất người dân, tạo cầu nối hữu nghị giữa tỉnh với các địa phương và các nước trên thế giới.

8. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại

Xây dựng, cải tạo, mở mới hệ thống đường tuần tra, đường ra biên giới nhằm phục vụ quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế - xã hội và giao thương hàng hóa ở khu vực biên giới. Hoàn thành hệ thống mạng lưới giao thông đường tuần tra biên giới khép kín trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác quốc tế và phát triển, góp phần củng cố an ninh biên giới.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

Xây dựng, ban hành kế hoạch cụ thể hoá triển khai thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch này, trong đó xác định rõ, đầy đủ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tiến độ thực hiện.

Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo với UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; } báo cáo
- Thường trực Tỉnh ủy; } báo cáo
- Thường trực HĐND tỉnh; } báo cáo
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng, ban CM, TH-CB;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên